

Giải pháp phát triển mô hình sản xuất rau an toàn tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguyễn Quang Phục*

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, phường An Cựu, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Ngày nhận bài 5/12/2022; ngày chuyển phản biện 8/12/2022; ngày nhận phản biện 10/1/2023; ngày chấp nhận đăng 13/1/2023

Tóm tắt:

Nhiều nghiên cứu gần đây về rau an toàn (RAT) đã được triển khai tại khu vực đô thị hoặc vùng ven đô, trong khi rất ít nghiên cứu được thực hiện tại khu vực miền núi - nơi có một số lợi thế về điều kiện tự nhiên như khí hậu và đất đai. Sử dụng số liệu thứ cấp và khảo sát hộ gia đình, mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá thực trạng mô hình thí điểm và đề xuất các giải pháp phát triển mô hình sản xuất RAT tại huyện A Lưới - một huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả cho thấy, sản xuất RAT đem lại hiệu quả khá cao về kinh tế, tạo việc làm ổn định, khai thác được lợi thế về điều kiện tự nhiên cũng như phát huy được kinh nghiệm trồng rau của chủ hộ. Hoàn thiện các chính sách về quy hoạch đất đai, hỗ trợ vốn đầu tư cũng như chú trọng công tác tuyên truyền về hiệu quả của mô hình là những giải pháp quan trọng cần được chính quyền địa phương ưu tiên để nhân rộng và phát triển mô hình này.

Từ khóa: A Lưới, mô hình, rau an toàn, Thừa Thiên Huế.

Chỉ số phân loại: 5.2

1. Mở đầu

Rau, quả an toàn là sản phẩm rau, quả tươi được sản xuất, sơ chế, chế biến phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn [1]. Trong bữa ăn hàng ngày, rau xanh nói chung và RAT nói riêng là loại thực phẩm không thể thiếu của con người, đặc biệt khi lương thực và các thức ăn giàu đạm đã được đảm bảo thì nhu cầu về rau lại càng tăng lên, nó như một nhân tố tích cực trong cân bằng dinh dưỡng.

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, vấn đề sản xuất RAT đang thu hút sự quan tâm, chú ý của các cơ quan hoạch định chính sách và các nhà khoa học [2-6]. Mặc dù các nghiên cứu này đã chỉ ra được những thành công và hạn chế trong sản xuất RAT tại các địa phương, tuy vậy đa số các nghiên cứu chỉ được thực hiện tại khu vực đô thị hoặc vùng ven đô thị - nơi có lợi thế về giao thông, tiếp cận thị trường, tổ chức phân phối và khả năng áp dụng công nghệ. Trong khi đó, khu vực miền núi như huyện A Lưới, nơi có nguồn lao động dồi dào, điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi để phát triển RAT thì ít có sự quan tâm của các nhà nghiên cứu.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng mô hình thí điểm sản xuất RAT tại huyện A Lưới, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nhân rộng và phát triển mô hình này tại địa bàn nghiên cứu, góp phần khai thác lợi thế so sánh của địa phương, nâng cao thu nhập cho người dân và tạo nguồn cung thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thu thập số liệu, thông tin

Số liệu, thông tin thứ cấp được thu thập và tổng hợp từ các nghiên cứu trước đây, các báo cáo kinh tế - xã hội của ngành và của

địa phương, niên giám thống kê hàng năm của huyện A Lưới và tỉnh Thừa Thiên Huế; từ các phương tiện truyền thông đại chúng nhằm làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển mô hình sản xuất RAT. Ngoài ra, tác giả còn tham khảo thông tin, số liệu đã được công bố tại các hội thảo về sản xuất RAT do các đơn vị tổ chức.

Đối với số liệu, thông tin sơ cấp: Tác giả thu thập số liệu thông qua phỏng vấn trực tiếp các hộ gia đình bằng bảng hỏi chuẩn bị sẵn. Những người tham gia phỏng vấn phần lớn là đại diện cho chủ hộ, thông thường là vợ hoặc chồng.

Đối với 6 hộ tham gia mô hình thí điểm, phỏng vấn bằng bảng hỏi được áp dụng để thu thập thông tin về tình hình sản xuất RAT, bao gồm: diện tích, sản lượng, năng suất, số lứa, giá bán và tình hình tiêu thụ. Tại thời điểm khảo sát, chỉ còn 5 hộ đang duy trì mô hình. Đề tài cũng tiến hành khảo sát 5 hộ trồng rau theo phương pháp truyền thống để phân tích, so sánh hiệu quả kinh tế giữa hai mô hình. Tiêu chí lựa chọn hộ sản xuất rau thường là hộ có cùng quy mô diện tích và cùng địa phương (xã/thị trấn). Danh sách hộ do chính quyền địa phương cung cấp.

Ngoài đánh giá thực trạng mô hình thí điểm, phỏng vấn bằng bảng hỏi cũng được áp dụng đối với 60 hộ trồng rau theo phương pháp truyền thống tại 2 xã A Ngo, Sơn Thủy và thị trấn A Lưới. Mục đích là nhằm đánh giá mức độ sẵn lòng của chủ hộ trong việc chuyển đổi mô hình sản xuất từ trồng rau thường sang trồng RAT. Đây là một trong những cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các giải pháp nhằm nhân rộng và phát triển mô hình sản xuất RAT tại huyện A Lưới trong thời gian tới. Để làm rõ những vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 60 hộ gia đình đang sản xuất rau theo phương pháp truyền thống (thị trấn A Lưới có 30 hộ, 2 xã A Ngo và Sơn Thủy mỗi xã có 15 hộ). Bộ phận phụ trách sản xuất

*Email: nqphuc@hce.edu.vn

Solutions for the development of the safe vegetable production demonstration in A Luoi district, Thua Thien Hue province

Quang Phuc Nguyen*

University of Economics, Hue University,
99 Ho Duc Di Street, An Cuu Ward, Hue City, Thua Thien Hue Province, Vietnam

Received 5 December 2022; revised 10 January 2023; accepted 13 January 2023

Abstract:

Many recent studies on safe vegetables have been carried out in urban or peri-urban areas, while very few studies have been conducted in mountainous areas - Where there are some advantages in terms of natural conditions such as climate and land. Using the secondary data and household surveys, the objective of this study is to assess the economic efficiency of the pilot model and propose solutions for sustainable development of the safe vegetable production demonstration in A Luoi - A mountain district in Thua Thien Hue province. The results show that the safe vegetable production demonstration creates high economic efficiency, creates stable jobs, takes advantage of natural conditions as well as disseminates the experience of vegetable growing of household heads. Improving the land-use planning, and investment capital as well as propagating the effectiveness of the model as important solutions that need to be prioritized by local authorities in order to expand and develop this demonstration.

Keywords: A Luoi, demonstration, safe vegetable, Thua Thien Hue.

Classification number: 5.2

nông nghiệp tại các xã/thị trấn cung cấp danh sách các hộ trồng rau theo phương pháp truyền thống và nhóm nghiên cứu chọn ngẫu nhiên 60 hộ - là những hộ thỏa mãn 2 tiêu chí chính: sản xuất rau theo phương pháp truyền thống để bán và có từ 5 năm kinh nghiệm trồng rau trở lên.

2.2. Xử lý và phân tích số liệu, thông tin

Số liệu sau khi thu thập được xử lý và phân tích trên phần mềm Excel. Phương pháp thống kê mô tả và so sánh được sử dụng để phân tích, đánh giá thực trạng mô hình sản xuất RAT, sản xuất rau thường tại địa bàn nghiên cứu. Các chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá hiệu quả kinh tế bao gồm: giá trị sản xuất (GO), chi phí trung gian (IC), giá trị gia tăng (VA), thu nhập hỗn hợp (MI), hiệu suất chi phí trung gian theo giá trị sản xuất (GO/IC), hiệu suất chi phí trung gian theo giá trị tăng thêm (VA/IC), hiệu suất chi phí trung gian theo thu nhập hỗn hợp (MI/IC).

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu và mô hình sản xuất RAT

Là một huyện miền núi nằm ở phía tây của tỉnh Thừa Thiên Huế, có 84 km đường biên giới quốc gia và tiếp giáp với nước bạn Lào, A Lưới là vùng có điều kiện khí hậu (có độ cao trên 530 m so với mặt nước biển, nhiệt độ trung bình năm là 22°C) và thổ nhưỡng thuận lợi cho việc phát triển các loại rau như cải mầm, xà lách, rau dền, cải ngọt... Với lợi thế này, việc trồng rau có thể thực hiện quanh năm, đặc biệt là tháng 1 đến tháng 3. A Lưới là nơi cư trú của đồng bào các nhóm dân tộc ít người như Pa Cô, Tà Ôi, Cơ Tu, Pa Hi (người Pa Cô, Cơ Tu chiếm hơn 70% dân số) với những nét văn hóa đặc sắc như các lễ hội truyền thống, những tập quán sinh hoạt, sản xuất, kiến trúc nhà ở, trang phục và những sản phẩm truyền thống, đặc biệt là nghề dệt vải zeng [7].

Nhằm khai thác tiềm năng và lợi thế của địa phương, năm 2016, UBND huyện A Lưới triển khai thí điểm mô hình sản xuất RAT tại 3 địa phương: thị trấn A Lưới, 2 xã Sơn Thủy và A Ngo. Mô hình được thiết kế có mái che và lưới chắn côn trùng, áp dụng hệ thống tưới nước tự động, sử dụng phân chuồng hoai mục, vôi xử lý đất, phân vi sinh và một ít phân hóa học để nâng cao hiệu quả kinh tế trồng rau, bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng. Theo đề án triển khai thí điểm trồng RAT, nếu mô hình thành công thì thị trường tiêu thụ chính là thành phố Huế, Đông Hà, Đà Nẵng thông qua các siêu thị, cửa hàng rau sạch và tại thị trấn A Lưới - nơi có nhiều cơ quan, nhà hàng, trường học và người dân có thu nhập cao hơn các địa phương khác [8].

Những hộ được chọn tham gia mô hình thí điểm phải đáp ứng các điều kiện như: tự nguyện tham gia, có kinh nghiệm trồng rau, diện tích đủ rộng và bằng phẳng, có khả năng tiếp thu và ứng dụng kỹ thuật trồng rau, sẵn lòng chuyển đổi từ trồng rau thường sang RAT và có khả năng tài chính để đầu tư. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, thẩm định năng lực và điều kiện tham gia mô hình của các hộ gia đình có nhu cầu. Kết quả, có 6 hộ đủ điều kiện tham gia mô hình với tổng diện tích là 2.600 m², bình quân mỗi hộ 433 m². Mô hình chủ yếu trồng hai nhóm RAT: Nhóm 1 là các loại rau ăn lá bao gồm: cải các loại, xà lách, ngò, rau quế, rau thơm, hành, rau dền, mồng tơi. Nhóm 2 là các loại rau ăn quả bao gồm: dưa leo, cà chua, đậu cô ve [9].

Tổng kinh phí thực hiện mô hình là 390 triệu đồng. Trong đó, UBND huyện hỗ trợ khoảng 70% (300 triệu đồng, bình quân 50 triệu đồng/hộ) và hộ tham gia đóng góp khoảng 30% (90 triệu đồng, bình quân 15 triệu đồng/hộ). Tuy nhiên, sau đó, một hộ đã dừng tham gia mô hình RAT và chuyển sang hoạt động kinh doanh khác, vì hộ này xây dựng nhà kính không đúng kỹ thuật làm tăng hiệu ứng nhà kính dẫn đến năng suất thấp, hiệu quả kinh tế không cao.

3.2. So sánh hiệu quả kinh tế giữa mô hình sản xuất RAT và rau thường

Kết quả khảo sát mô hình sản xuất RAT và rau thường của các hộ gia đình ở huyện A Lưới cho thấy, hộ nông dân áp dụng mô

hình sản xuất RAT mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với mô hình sản xuất rau thường. Giá trị gia tăng trung bình 1 lứa trên 100 m² sản xuất cải mầm, xà lách theo mô hình RAT lần lượt là 2.185 và 2.226 nghìn đồng, cao hơn sản xuất thông thường tương ứng là 1.364 và 1.025 nghìn đồng. Mặc dù chi phí trung gian của mô hình sản xuất RAT thấp hơn sản xuất rau thường, nhưng đầu tư ban đầu của mô hình RAT cao hơn nhiều mô hình sản xuất rau thường (bảng 1). Vì vậy, tổng chi phí vật chất của mô hình sản xuất RAT cao hơn nhiều so với mô hình sản xuất rau thường.

Bảng 1. So sánh hiệu quả sản xuất giữa RAT với rau thường (tính bình quân một lứa/100 m²/năm).

Chỉ tiêu	ĐVT	Cải mầm			Xà lách			Cải cây		
		RAT	RT	+/-	RAT	RT	+/-	RAT	RT	+/-
Số lứa	Lứa	18,33	10	8,33	6	3	3	6,5	4,5	2
Sản lượng	Kg	176	90	56	126	83	43	110	116	-6
Giá bán	1000 đ	15,00	14,5	0,50	20,00	15,5	4,5	15,00	14,5	0,5
Giá trị sản xuất	1000 đ	2.650	1.305	1.345	2.520	1.499	1.020	1.650	1.711	-61
Khấu hao	1000 đ	185	45	139	219	50	169	203	50	153
Chi phí trung gian (IC)	1000 đ	465	484	-19	293	298	-5	181	146	34
Thu nhập hỗn hợp (MI)	1000 đ	1.999	775	1.224	2.007	1.151	855	1.264	1.514	-249
Giá trị gia tăng (VA)	1000 đ	2.185	820	1.364	2.226	1.201	1.025	1.468	1.564	-95
GO/IC	Lần	5,6	2,6	3,0	8,5	5,0	3,5	9,0	11,6	-2,5
VA/IC	Lần	4,6	1,6	3,0	7,5	4,0	3,5	8,0	10,6	-2,5
MI/IC	Lần	4,3	1,6	2,7	6,8	3,8	2,9	6,9	10,3	-3,3

Ghi chú: hộ sử dụng lao động gia đình vào sản xuất rau, nên chi phí trung gian chưa bao gồm chi phí lao động; RT: rau thường sản xuất theo phương pháp truyền thống. Nguồn: kết quả điều tra 5 hộ tham gia mô hình thí điểm RAT và 5 hộ trồng rau theo phương pháp truyền thống năm 2020.

3.3. Tình hình tiêu thụ RAT của các hộ tham gia mô hình

Kết quả khảo sát cho thấy, RAT của các hộ tham gia mô hình chủ yếu tiêu thụ tại huyện A Lưới thông qua 4 kênh sau:

Thứ nhất, hộ sản xuất → người tiêu dùng tại địa phương: Đối với kênh này, các hộ bán trực tiếp cho người mua tại vườn rau của gia đình mà không cần hợp đồng hay cam kết, khách hàng chủ yếu là các hộ gia đình sống gần khu vực vườn rau; hoặc gia đình vận chuyển bằng xe đi bán lưu động ở những nơi đông dân cư. Kênh tiêu thụ này chiếm khoảng 10% sản lượng tiêu thụ rau của các hộ tham gia mô hình.

Thứ hai, hộ sản xuất → các nhà hàng, quán ăn ở địa phương: Rau tiêu thụ qua kênh này chủ yếu là rau ăn lá như cải mầm, xà lách, hành, ngò, dùng làm rau sống tại các nhà hàng, quán ăn tại địa phương. Các loại tiêu thụ theo kênh này là không bán riêng lẻ từng loại rau. Thay vào đó, sau khi thu hoạch, hộ trộn chung

các loại rau lại với nhau thành rau sống để phân phối. Hàng ngày, sau khi thu hoạch, hộ dùng xe máy để phân phối sản phẩm cho các nhà hàng, quán ăn. Mỗi địa điểm như vậy khách hàng thường nhập 3-5 kg rau sống. Về giá cả, các loại rau có giá bán khác nhau nhưng khi bán chung nhiều loại rau với nhau làm rau sống thì giá bán trung bình là 20.000 đồng/kg. Hộ cam kết giữ nguyên giá bán cho cả năm, gọi là mô hình “bình ổn giá”. Với phương thức này được xem là hiệu quả trong việc giữ được mối quan hệ ổn định với khách hàng.

Thứ ba, hộ sản xuất → người bán lẻ → người tiêu dùng tại địa phương: Có 3 hộ áp dụng kênh này để tiêu thụ các loại rau như xà lách, cải mầm, rau dền và mồng tơi. Hàng ngày bình quân mỗi hộ thu hoạch khoảng 20 kg rau, sau đó dùng xe máy để phân phối cho người bán lẻ (2-3 kg rau/người bán lẻ) tại chợ địa phương. Mỗi ngày các hộ thường phân phối đều đặn cho 6-7 người bán lẻ. Giá bán tùy thuộc vào giá cả tại chợ địa phương vào thời điểm đó. Với cách liên kết tiêu thụ này, các hộ vừa có thể giữ mỗi tiêu thụ vừa không bị ép giá cũng như không phải cạnh tranh nhau để tiêu thụ rau. Kênh này chiếm khoảng 20-50% sản lượng tiêu thụ RAT của các hộ.

Thứ tư, hộ sản xuất → người bán buôn, thu gom → người bán lẻ → người tiêu dùng: Ở kênh này, chuỗi cung ứng RAT trải qua nhiều tác nhân hơn các kênh khác, bao gồm hộ sản xuất, người thu gom, người bán lẻ và tiêu dùng. Rau được thu hoạch từ chiều tối hôm trước và 4 giờ sáng ngày hôm sau đưa ra chợ bán cho người thu gom. Sau đó, người thu gom phân phối lại cho người bán lẻ tại chợ hoặc thu gom lên xe tải cùng với các sản phẩm nhu yếu phẩm khác, vận chuyển đến các địa phương khác của huyện A Lưới hoặc TP Huế.

Tóm lại, kênh tiêu thụ sản phẩm RAT của các hộ là khá đa dạng, giá bán của sản phẩm phụ thuộc vào các tháng trong năm và giá cả thị trường tại chợ địa phương. Kênh tiêu thụ thông qua người bán buôn tại chợ xem ra hiệu quả và được nhiều hộ lựa chọn nhất; trong khi kênh tiêu thụ thông qua nhà hàng, quán ăn, trường học được xem là ổn định nhất. Ngoài ra, việc tiêu thụ rau chủ yếu tại địa phương và không thông qua hợp đồng tiêu thụ hay cam kết giữa các bên. Giá bán của RAT cũng không cao hơn nhiều so với rau thường. Nguyên nhân chính là do RAT chưa có thương hiệu, chưa có nhãn mác, chưa được kiểm định cấp giấy chứng nhận. Nếu nhân rộng mô hình này trong tương lai thì việc xây dựng thương hiệu, hệ thống phân phối và liên kết với các doanh nghiệp là việc làm cần được ưu tiên.

3.4. Đánh giá mức độ sẵn lòng chuyển đổi từ sản xuất rau thường sang sản xuất RAT

Kết quả khảo sát cho thấy, mô hình sản xuất RAT đem lại hiệu quả khá cao về kinh tế, tạo việc làm ổn định và khai thác được lợi thế về điều kiện tự nhiên cũng như kinh nghiệm trồng rau của chủ hộ. Đó là tín hiệu rất tích cực trong chuyển đổi mô hình sản xuất

nông nghiệp tại huyện miền núi phía tây của tỉnh Thừa Thiên Huế. Vấn đề đặt ra ở đây là đối với những hộ gia đình chưa có cơ hội tham gia mô hình thí điểm hiện đang sản xuất rau theo lối truyền thống thì liệu họ có sẵn lòng chuyển đổi sang mô hình sản xuất RAT hay không? Nếu sẵn lòng chuyển đổi thì cần hỗ trợ gì cho nhóm hộ này, còn nếu không muốn chuyển đổi thì nguyên nhân của nó là gì?

Khái quát chung về mẫu khảo sát: Kết quả bảng 2 cho thấy, số nhân khẩu bình quân/hộ là 4,7 người, lao động bình quân của hộ là 2,2 người, mỗi hộ có từ 1 đến 2 lao động nông nghiệp, tham gia sản xuất các loại rau. Hầu hết chủ hộ tham gia khảo sát còn khá trẻ, trung bình 47,2 tuổi nhưng lại có nhiều năm kinh nghiệm trong trồng các loại rau (10,6 năm) và hầu hết đã tốt nghiệp tiểu học.

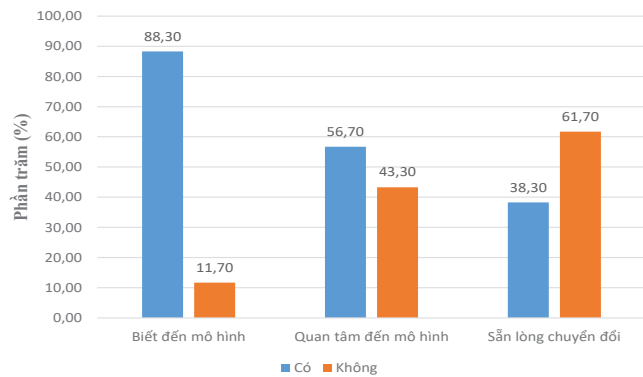
Bảng 2. Đặc điểm cơ bản về mẫu khảo sát.

Chỉ tiêu	ĐVT	Trung bình	Thấp nhất	Cao nhất
Tuổi của chủ hộ	Tuổi	47,2	31	64
Trình độ văn hóa	Lớp	6,9	4	12
Kinh nghiệp trồng rau	Năm	10,6	6	15
Nhân khẩu	Người	4,7	4	7
Lao động	Người	2,2	1	3
Lao động trồng rau	Người	1,5	1	2
Diện tích trồng rau	m ²	222	50	800

Nguồn: Kết quả điều tra hộ năm 2020.

Diện tích sản xuất rau của các hộ được khảo sát cũng rất khiêm tốn, bình quân 222 m²/hộ, chủ yếu sản xuất để gia đình sử dụng và một phần đem bán ra thị trường. Hộ có diện tích trồng rau lớn nhất chỉ đạt 800 m². Số liệu phân tích cho chúng ta nhận định, mặc dù có một số thuận lợi nếu họ tham gia mô hình sản xuất RAT như độ tuổi chủ hộ còn trẻ, có nhiều kinh nghiệm trồng rau, sẵn sàng về lực lượng lao động..., nhưng diện tích đất đai thì rất hạn chế nên sẽ là rào cản đầu tiên trong chuyển đổi sang mô hình sản xuất RAT. Với những đặc điểm chung như vậy, liệu các hộ có sẵn lòng chuyển đổi từ sản xuất rau theo lối truyền thống sang mô hình sản xuất RAT hay không?

Sự sẵn lòng chuyển đổi sang sản xuất RAT của các hộ được khảo sát: Kết quả hình 1 cho thấy, có đến 88,3% số người được khảo sát biết đến mô hình sản xuất RAT đang triển khai thí điểm tại địa phương, chỉ có 11,7% số người được khảo sát không biết đến mô hình này. Tuy vậy, có đến 56,7% số người trả lời là có quan tâm đến mô hình và 43,3% không quan tâm đến mô hình. Điều này cho thấy, hầu hết các hộ sản xuất rau thường đã biết đến mô hình sản xuất RAT tại địa phương, nhưng các hộ vẫn chưa quan tâm, chưa tìm hiểu mô hình sản xuất này. Số hộ sẵn lòng chuyển đổi sang mô hình sản xuất RAT chỉ chiếm 38,3% số hộ được khảo sát.



Hình 1. Mức độ nhận biết, quan tâm và sẵn lòng chuyển đổi sang sản xuất RAT của các hộ được khảo sát.

Kết quả khảo sát có 37 hộ gia đình không muốn chuyển đổi từ sản xuất rau theo phương pháp truyền thống sang sản xuất RAT, là vì họ không được hỗ trợ về vốn, kỹ thuật từ UBND huyện, cùng với những hạn chế về năng lực của chủ hộ là những nguyên nhân chính (bảng 3). Ngoài ra, tâm lý ngại thay đổi phương pháp sản xuất và sợ thất bại cũng là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự không sẵn lòng chuyển đổi sang sản xuất RAT. Điều này là hoàn toàn phù hợp bởi vì phần lớn người dân địa phương là người dân tộc Vân Kiều, Pa Cô (chiếm 70%), có thói quen canh tác quy mô nhỏ, làm theo kinh nghiệm được truyền từ đời này sang đời khác, phụ thuộc phần lớn vào điều kiện tự nhiên. Vì vậy, để phát triển mô hình sản xuất RAT trong thời gian tới, một mặt cần tuyên truyền để chứng minh tính hiệu quả của mô hình, mặt khác phải tiếp tục triển khai chính sách đất đai, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nâng cao nhận thức cho người dân là những giải pháp quan trọng cần được ưu tiên giải quyết.

Bảng 3. Nguyên nhân các hộ được khảo sát không chuyển đổi sang sản xuất RAT.

TT	Nguyên nhân	Nhận thức của người dân (n = 37)				
		1	2	3	4	5
1	Không được hỗ trợ vốn, kỹ thuật	40,5	43,2	16,3	0,0	0,0
2	Hạn chế về năng lực	32,4	45,9	21,7	0,0	0,0
3	Nhận thấy hiệu quả kinh tế RAT không cao	8,1	0,0	37,8	8,1	45,0
4	RAT khó tiêu thụ	0,0	0,0	5,4	48,6	45,0
5	Ngại thay đổi, sợ thất bại	27,0	21,6	16,2	29,7	5,5

Ghi chú: 1 là nguyên nhân quan trọng nhất; 5 là nguyên nhân ít quan trọng nhất. Nguồn: Kết quả điều tra hộ năm 2020.

4. Đề xuất một số giải pháp phát triển mô hình sản xuất RAT tại huyện A Lưới

4.1. Giải pháp về thể chế, chính sách

Chính sách có vai trò định hướng mọi hoạt động kinh tế - xã hội và khuyến khích các hoạt động kinh tế - xã hội đi theo định hướng. Nó ảnh hưởng rất lớn đến người dân trong ra quyết định đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Để phát triển mô hình sản xuất

RAT trên địa bàn huyện A Lưới, chính quyền địa phương cần quan tâm và triển khai kịp thời một số chính sách sau đây:

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng sản xuất và các điều kiện kinh tế - xã hội, UBND huyện cần tiến hành quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất RAT, trong đó tập trung đầu tư phát triển vùng sản xuất RAT tại thị trấn A Lưới, các xã Sơn Thủy, A Ngo và Hồng Quảng - nơi có nhiều thuận lợi về thị trường tiêu thụ, điều kiện giao thông, đất đai, trình độ và nhận thức của người dân. Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, UBND huyện cần lập kế hoạch để nhân rộng mô hình sản xuất RAT.

- Thành lập hợp tác xã RAT A Lưới là một trong những giải pháp quan trọng cần thực hiện ngay để làm đầu mối trong tổ chức sản xuất, giải ngân nguồn vốn vay ưu đãi cho các thành viên, quan trọng hơn là tổ chức liên kết và quản lý theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ nhằm bảo đảm kiểm soát chất lượng sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn, giúp nông dân yên tâm sản xuất, người tiêu dùng yên tâm sử dụng sản phẩm. Nông cốt tham gia vào hợp tác xã (cũng có thể tham gia vào ban quản trị) là các hộ đã tham gia mô hình thí điểm sản xuất RAT từ năm 2016/2017, đặc biệt là những hộ rất thành công trong thực tế.

- Vốn đầu tư vào mô hình sản xuất RAT là khá lớn so với năng lực của hộ. Vì vậy, địa phương cần có phương án hỗ trợ vốn mà trước hết là dành cho những hộ có nguyện vọng chuyển đổi từ sản xuất rau thường sang sản xuất RAT, sau đó mở rộng ra các nhóm hộ khác. Chính sách hỗ trợ vốn cần lưu ý một số vấn đề, đó là: (i) Nên tăng quy mô vốn hỗ trợ/hộ để tạo sự hấp dẫn nhằm thu hút sự tham gia của các hộ gia đình; (ii) Trong nguồn vốn hỗ trợ, cần chia ra 40% là hỗ trợ hoàn toàn cho hộ gia đình, 60% là hộ phải vay qua Ngân hàng Chính sách Xã hội hoặc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với lãi suất và thời hạn vay ưu đãi. Mục đích là nhằm hạn chế tâm lý ỷ lại của người dân, đồng thời tăng trách nhiệm của họ khi tham gia vào mô hình; (iii) Giải ngân nguồn vốn hỗ trợ này nên thông qua đầu mối là hợp tác xã RAT A Lưới.

- Kinh nghiệm của nhiều địa phương cho thấy, doanh nghiệp luôn đóng vai trò là người dẫn dắt trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp. Doanh nghiệp đóng vai trò là người cung cấp các yếu tố đầu vào cho quá trình sản xuất như kỹ thuật, vốn tài chính, các loại vật tư nông nghiệp, cũng là người trực tiếp bao tiêu sản phẩm và góp phần nâng cao giá trị của sản phẩm. Vì vậy, UBND huyện cần sớm ban hành chính sách ưu đãi kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến đầu tư vào sản xuất RAT.

4.2. Giải pháp về tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm soát sản xuất và khuyến nông

Tiêu chuẩn kỹ thuật và công tác khuyến nông trong mô hình thí điểm sản xuất RAT hiện tại chưa hoàn toàn tuân thủ theo tiêu chuẩn VietGAP, mà có sự điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với thực tiễn của địa phương - một huyện miền núi có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất tỉnh Thừa Thiên Huế (35,04%) và có hơn 70% dân số là người dân tộc thiểu số. Để nhân rộng và phát triển mô hình sản xuất RAT tại địa phương trong thời gian tới, một số giải pháp về khoa học và khuyến nông cần được quan tâm như sau:

- Sản xuất RAT cần phải tuân phải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với rau, quả trong sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành hoặc theo tiêu chuẩn VietGAP 2017 [10]. Theo đó, UBND huyện A Lưới cần phải bám sát khái niệm về RAT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định tại Điều 2 Thông tư 59/2012/TT-BNNPTNT ban hành ngày 9/11/2022 [1]: “Rau, quả an toàn là sản phẩm rau, quả tươi được sản xuất, sơ chế, chế biến phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt hoặc phù hợp với các quy định liên quan đến đảm bảo an toàn thực phẩm có trong quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn VietGAP”.

- Tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất RAT cho người sản xuất, đặc biệt hướng dẫn và quản lý chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp canh tác có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng rau như chủng loại và số lượng phân bón, loại thuốc bảo vệ thực vật sử dụng, thời gian cách ly, nguồn nước sử dụng. Tập huấn chuyển giao công nghệ sau thu hoạch cho người sản xuất nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm, kéo dài thời gian kinh doanh sau thu hoạch.

- Cần ưu tiên nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông huyện A Lưới để đảm bảo sự sẵn sàng về đội ngũ cán bộ có đủ năng lực chuyên môn tư vấn và chỉ đạo các hộ sản xuất thực hiện đúng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), quản lý tốt chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá chất lượng an toàn của rau để đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận sản phẩm an toàn cho những diện tích hoặc loại rau đủ điều kiện. Đây là giải pháp quan trọng để tạo thương hiệu và thể hiện sự cam kết của cả người sản xuất và chính quyền địa phương với người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm.

- Cần tổ chức thăm quan học tập kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ RAT tại các địa phương trong và ngoài tỉnh cho cán bộ và người dân tham gia mô hình.

4.3. Giải pháp hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm

Tiêu thụ sản phẩm là khâu cuối cùng trong chu kỳ sản xuất, giúp các hộ sản xuất RAT thu hồi được vốn và có lợi nhuận để tái sản xuất và mở rộng quy mô. Nếu chúng ta có cơ chế, chính sách tốt, có sự hỗ trợ tốt về kỹ thuật cho người sản xuất RAT, nhưng giải pháp tiêu thụ chưa được chú trọng thì mô hình sản xuất RAT cũng sẽ thiếu tính bền vững. Vì vậy, chính quyền địa phương và người sản xuất cần quan tâm và thực hiện các giải pháp hỗ trợ tiêu thụ sau đây:

- Cần đầu tư nghiên cứu, xây dựng thương hiệu sản phẩm RAT A Lưới. Chú trọng thông tin về sản phẩm, thiết kế mẫu mã, bao bì để nhận diện thương hiệu. Đây là một việc rất quan trọng nhằm tạo lòng tin cho khách hàng.

- Xây dựng mối liên kết với các doanh nghiệp, đặc biệt là các siêu thị và cửa hàng nông sản sạch tại thành phố Huế và các tỉnh lân cận, theo hướng tên của các doanh nghiệp (cửa hàng) xuất hiện trên bao bì sản phẩm. Doanh nghiệp hoặc cửa hàng có trách nhiệm quảng bá và tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Điều này góp phần hình thành chuỗi giá trị RAT bền vững.

- Mở các địa điểm phân phối RAT ngay tại các chợ truyền thống để phù hợp với thói quen mua sắm của phần lớn người dân A Lưới. Các địa điểm phân phối cần có bảng hiệu nhận diện và thông tin liên hệ để tạo sự tin tưởng cho khách hàng. Ngoài ra, cần chủ động ký hợp đồng cung ứng rau sạch cho các trường mầm non, trường tiểu học có bán trú và hệ thống các nhà hàng, quán ăn trên địa bàn huyện.

- Chi phí vận chuyển rau từ A Lưới đi thành phố Huế hoặc đến các địa phương lân cận như Quảng Trị, Quảng Nam và Đà Nẵng khá cao, ảnh hưởng lớn đến giá bán và nhu cầu tiêu thụ của khách hàng. Vì vậy, hợp tác xã hoặc các hộ sản xuất cần chủ động liên kết với các doanh nghiệp vận tải trong vận chuyển và phân phối sản phẩm theo đơn đặt hàng.

4.5. Giải pháp tuyên truyền về sản phẩm RAT A Lưới

Người sản xuất và tiêu dùng đều nhận thức đúng đắn về giá trị và vai trò của RAT thì quá trình sản xuất và tiêu thụ sẽ thuận lợi hơn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, cả người sản xuất và tiêu dùng đều chưa thực sự quan tâm đến mô hình sản xuất RAT và giá trị mà nó mang lại cho sức khỏe của con người. Vì vậy, các bên liên quan cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

- Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, trang mạng xã hội, chính quyền địa phương cần tăng cường công tác tuyên truyền đến các hộ sản xuất rau trên địa bàn huyện A Lưới về lợi ích của sản xuất RAT như: (i) Hiệu quả kinh tế cao hơn; (ii) Phù hợp với xu hướng sản xuất tương lai - sản xuất an toàn - tiêu dùng an toàn; (iii) Lợi ích cho sức khỏe cộng đồng, người tiêu dùng có thêm nhiều RAT để sử dụng, từ đó cộng đồng sẽ có cái nhìn phù hợp hơn với RAT.

- Kêu gọi các hộ gia đình đã tham gia mô hình thí điểm sản xuất RAT tuyên truyền, vận động, tự nguyện chia sẻ kinh nghiệm cho các nông hộ khác chuyển đổi từ sản xuất rau theo lối truyền thống sang sản xuất RAT.

- Tạo điều kiện cho các sản phẩm RAT A Lưới tham gia các hội chợ nông nghiệp hoặc các diễn đàn khoa học nhằm tạo điều kiện cho người nông dân giới thiệu, quảng bá về sản phẩm của mình đến người tiêu dùng.

- Vận động, tạo điều kiện để những hộ gia đình còn trẻ nhưng rất thành công trong sản xuất RAT đăng ký và tham gia các cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo các cấp. Tham gia cuộc thi sẽ là cơ hội để giới thiệu về tiềm năng và các sản phẩm RAT A Lưới và quan trọng hơn là khơi dậy tinh thần lập thân, lập nghiệp, tinh thần khởi nghiệp của người dân, đặc biệt là thanh niên huyện A Lưới có thể làm giàu trên chính quê hương của mình.

5. Kết luận

Khi chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao thì người tiêu dùng không những quan tâm đến số lượng, chủng loại rau mà còn quan tâm đến chất lượng và sự an toàn của nó. Vì vậy, chính sách hỗ trợ sản xuất thí điểm RAT tại huyện A Lưới là một hướng đi đúng đắn, khai thác được tiềm năng và lợi thế của địa phương.

Kết quả khảo sát mô hình thí điểm cho thấy, sản xuất RAT đem lại hiệu quả khá cao về kinh tế, tạo việc làm ổn định, khai thác được lợi thế về điều kiện tự nhiên của địa phương cũng như phát huy được kinh nghiệm trồng rau của người dân. Một số loại rau thích nghi tốt, có năng suất và giá trị kinh tế khá cao bao gồm cải mầm, xà lách, cải cây và rau dền. Đây là tín hiệu rất tích cực để nhân rộng mô hình này tại huyện miền núi - A Lưới của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Để phát triển bền vững mô hình sản xuất RAT tại địa bàn nghiên cứu trong thời gian tới, nhiều giải pháp cần thực hiện đồng bộ, bao gồm: (i) Thực hiện chính sách quy hoạch vùng sản xuất RAT, thành lập hợp tác xã RAT A Lưới, chính sách hỗ trợ vốn và kêu gọi doanh nghiệp đầu tư; (ii) Chuẩn hóa quy trình, kỹ thuật sản xuất RAT theo VietGAP; (iii) Tăng cường liên kết với doanh nghiệp và gắn liền với xây dựng thương hiệu RAT A Lưới; (iv) Tăng cường tuyên truyền, vận động, trong đó chú trọng đến vai trò của chủ hộ đã từng tham gia mô hình và trách nhiệm của chính quyền xã, thị trấn. Trong số các nhóm giải pháp nêu trên, chúng tôi cho rằng hoàn thiện chính sách và tuyên truyền về hiệu quả của mô hình là những giải pháp quan trọng cần được ưu tiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ministry of Agriculture and Rural Development (2012), *Circular 59/2012/TTBNNPTNT dated 9 November 2012 Regulating The Management of Safe Vegetable, Fruit and Tea Production* (in Vietnamese).
- [2] L.D. Hai (2018), "Analysis of the safe cabbage value chain in Phuc Tho district, Hanoi city", *Journal of Forestry Science and Technology*, 3, pp.11-21 (in Vietnamese).
- [3] L.T.H. Sen, H.T. Hong (2012), "Some factors affecting SV production and consumption in Thua Thien Hue province", *Journal of Science Hue University*, 71(2), pp.253-266 (in Vietnamese).
- [4] N.T. Trang (2015), "Solutions for developing SV production in Quoc Oai district, Hanoi", *Journal of Forest Science and Technology*, 2, pp.131-140 (in Vietnamese).
- [5] N.V. Lac, P.T.T. Xuan (2020), "Developing safe pennywort production according to VietGAP standards in Quang Dien district, Thua Thien Hue province", *Journal of Economics and Forecasting*, 5(15), pp.16-19 (in Vietnamese).
- [6] V.M. Sang, D.V. Xe, D.H. Nhan (2016), "The current situation and solutions to attract farmers to participate in SV production in Can Tho city", *Journal of Science, Can Tho University*, 46, pp.75-83, DOI: 10.22144/ctu.jvn.2016.572 (in Vietnamese).
- [7] A Lưới District (2014), "Nature - history - tradition", <https://aluoi.thuathienhue.gov.vn/?gd=21&cn=89&tc=1804>, accessed 5 December 2022.
- [8] A Lưới District Department of Agriculture (2019), *Report on Agricultural Production Situation in 2019 of A Lưới District* (in Vietnamese).
- [9] A Lưới District Department of Agriculture (2017), *Report on The Results of Implementing The Clean Vegetable Growing Model in 2016 in A Lưới District* (in Vietnamese).
- [10] Ministry of Science and Technology (2017), *TCVN 11892-1:2017 Good Agricultural Practices (VietGAP) - Part 1: Cultivation* (in Vietnamese).